

Số: /CNTY-DT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

V/v cập nhật tình hình lưu hành vi rút
DTLCP và vắc xin phòng bệnh DTLCP

Kính gửi: Cơ quan Quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y các
tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Tiếp theo Công văn số 276/TY-DT ngày 10/02/2025 của Cục Thú y (nay là Cục Chăn nuôi và Thú y) về việc cập nhật tình hình lưu hành vi rút Cúm gia cầm, Lở mồm long móng, Viêm da nổi cục, Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) và khuyến cáo sử dụng vắc xin, Cục Chăn nuôi và Thú y cập nhật tình hình lưu hành vi rút DTLCP thu thập từ các giám sát bị động và chủ động tại Việt Nam trong năm 2023 - 2025 và thông tin về các vắc xin phòng bệnh DTLCP đã được cấp phép lưu hành như sau:

1. Lưu hành vi rút DTLCP

Hiện nay, theo kết quả giám sát chủ động của Cục Chăn nuôi và Thú y và các nhà khoa học cho thấy tại Việt Nam đang lưu hành một số chủng vi rút DTLCP, đặc biệt là chủng độc lực cao có kiểu gen genotype II và genotype I+II;

Năm 2025, tổng số đã có 252 mẫu vi rút DTLCP được giải trình tự gen và xác định chủng vi rút bằng phương pháp rRT/PCR (191/252 mẫu), trong đó có 158/200 mẫu ở miền Bắc (chiếm 79%), 32/42 mẫu ở miền Trung và Tây Nguyên (chiếm 76%) và 6/10 mẫu ở miền Nam (chiếm 60%) thuộc chủng vi rút tái tổ hợp giữa genotype I và genotype II (*chi tiết theo Phụ lục gửi kèm*).

2. Vắc xin phòng bệnh DTLCP

Hiện nay, có 03 loại vắc xin thương mại phòng bệnh DTLCP được cấp phép lưu hành (tiêm phòng cho lợn thịt) gồm: Vắc xin NAVET-ASFVAC của Công ty Cổ phần thuốc thú y Trung ương NAVETCO (Công ty Navetco), vắc xin AVAC ASF LIVE của Công ty Cổ phần AVAC Việt Nam và vắc xin Dacovet-ASF2 của Công ty CP tập đoàn Dabaco. Đây là các vắc xin được chế từ chủng vi rút DTLCP nhược độc, có tác dụng phòng bệnh do vi rút DTLCP thuộc kiểu gen II (genotype II) gây ra và không có tác dụng phòng bệnh do vi rút DTLCP có kiểu gen khác gây ra.

3. Tổ chức thực hiện

a) Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y các tỉnh, thành phố

- Khẩn trương tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh theo quy định của Luật Thú y, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, các văn

bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 07/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh DTLCP, giai đoạn 2020 – 2025); Công điện số 31/CĐ-TTg ngày 04/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả các giải pháp phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; Công điện số 109/CĐ-TTg ngày 26/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả các giải pháp phòng, chống dịch bệnh DTLCP và các văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Tổ chức thực hiện lấy mẫu giám sát lưu hành vi rút DTLCP trên địa bàn quản lý và gửi đến phòng xét nghiệm thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y để xác định kiểu gen của vi rút DTLCP. Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả giám sát để làm cơ sở khoa học cho việc lựa chọn, sử dụng vắc xin phù hợp.

- Chỉ sử dụng các loại vắc xin DTLCP đã được cấp Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam và tuân thủ theo hướng dẫn của nhà sản xuất; việc sử dụng vắc xin phải phù hợp với tình hình lưu hành các chủng vi rút DTLCP trong thời gian gần đây, tình hình dịch bệnh DTLCP của địa phương. Tăng cường theo dõi hiệu lực ngoài thực địa, báo cáo phản ứng sau tiêm (nếu có) để cơ quan quản lý có cơ sở đánh giá hiệu quả của vắc xin.

- Việc phòng, chống dịch bệnh DTLCP chỉ đạt hiệu quả tốt khi thực hiện đồng bộ các biện pháp an toàn sinh học nghiêm ngặt trong chăn nuôi kết hợp với sử dụng vắc xin DTLCP dựa trên kết quả giám sát xác định kiểu gen vi rút. Các địa phương cần xác định công tác giám sát vi rút DTLCP và áp dụng biện pháp an toàn sinh học trong chăn nuôi là nền tảng, còn tiêm vắc xin phòng bệnh DTLCP là công cụ hỗ trợ quan trọng để bảo vệ đàn lợn, giảm thiểu thiệt hại cho người chăn nuôi và ngành chăn nuôi lợn Việt Nam.

b) Các doanh nghiệp sản xuất vắc xin DTLCP tiếp tục chủ động phối hợp với các đơn vị thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y và các cơ quan liên quan thường xuyên thực hiện giám sát đánh giá hiệu quả sau tiêm phòng, đánh giá hiệu lực các loại vắc xin; gửi kết quả đến Cục Chăn nuôi và Thú y.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị gửi văn bản về Cục Chăn nuôi và Thú y để phối hợp xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Phùng Đức Tiến (để báo cáo);
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố (để thực hiện);
- Các phòng, đơn vị liên quan thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y (để thực hiện);
- Các doanh nghiệp SX vắc xin DTLCP;
- Lưu: VT, DT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Phan Quang Minh

Phụ lục
LƯU HÀNH VI RÚT DTLCP TẠI VIỆT NAM NĂM 2023-2025

(Kèm theo Công văn số /CNTY-DT ngày / /2025 của Cục Chăn nuôi và Thú y)

Năm 2023

TT	Ngày lấy mẫu	Tỉnh	Huyện	Xã	Genotype
1	24/10/2023	Bình Thuận	Tp Phan Thiết	Tiến Lợi	Genotype II
2	21/02/2023	Bình Phước	Bù Đăng	Thông Nhất	Genotype II
3	11/5/2023	Bình Phước	Tp Đồng Xoài	P Tân Bình	Genotype II
4	12/5/2023	Bình Phước	Bù Đốp	Thiện Hưng	Genotype II
5	04/6/2023	Bình Phước	Bù Gia Mập	Bù Gia Mập	Genotype II
6	25/6/2023	Bình Phước	Lộc Ninh	Lộc Tấn	Genotype II
7	10/7/2023	Bình Phước	Đồng Phú	Tân Phước	Genotype II
8	14/8/2023	Bình Phước	Phú Riềng	Long Tân	Genotype II
9	15/11/2023	Bình Phước	Hớn Quản	Tân Hưng	Genotype II
10	11/11/2023	Đồng Nai	Trảng Bom	Hố Nai 3	Genotype II
11	03/7/2023	Long An	Tp Tân An	phường 6	Genotype II
12	01/8/2023	Long An	Tân Hưng	Hưng Điền B	Genotype II
13	12/10/2023	Long An	Mộc Hóa	Bình Hòa Đông	Genotype II
14	24/10/2023	Long An	Vĩnh Hưng	Khánh Hưng	Genotype II
15	17/11/2023	Long An	Cần Đước	Tân An	Genotype II
16	29/12/2023	Long An	Tân Hưng	Vĩnh Bửu	Genotype II
17	12/01/2023	Tiền Giang	Châu Thành	Đông Hòa	Genotype II
18	14/02/2023	Tiền Giang	Gò Công Tây	Bình Nhì	Genotype II
19	21/10/2023	Tiền Giang	Chợ Gạo	Xuân Đông	Genotype II
20	14/11/2023	Tiền Giang	TX Cai Lậy	Tân Hội	Genotype II
21	15/12/2023	Tiền Giang	Cái Bè	Mỹ Đức Tây	Genotype II
22	17/12/2023	Tiền Giang	Chợ Gạo	Xuân Đông	Genotype II
23	21/12/2023	Bến Tre	Giồng Trôm	Lương Phú	Genotype II
24	15/11/2023	Phú Thọ	Đoan Hùng		Genotype I/II (Tái tổ hợp)
25	15/11/2023	Yên Bái	TP.Yên Bái		Genotype II
26	20/11/2023	Thái Nguyên	Phú Bình		Genotype I/II (Tái tổ hợp)
27	16/11/2023	Thái Bình	Quỳnh Phụ		Genotype I/II (Tái tổ hợp)
28	/7/2023	Thái Nguyên	TP. Thái Nguyên		Genotype II
29	/9/2023	Hưng Yên	TP.Hưng Yên		Genotype II
30	13/11/2023	Tuyên Quang	Sơn Dương		Genotype II
31	1/11/2023	Lai Châu	Than Uyên		Genotype II
32	/11/2023	Hà Nội	Ba Vì		Genotype II
33	/11/2023	Hải Dương	Chí Linh		Genotype I/II (Tái tổ hợp)
34	/9/2023	Thái Nguyên	Phổ Yên		Genotype II
35	/9/2023	Vĩnh Phúc	Vĩnh Tường		Genotype II

TT	Ngày lấy mẫu	Tỉnh	Huyện	Xã	Genotype
36	01/8/2023	Quảng Ninh	Vân Đồn		Genotype I/II (Tái tổ hợp)
37	25/8/2023	Lạng Sơn	Lộc Bình		Genotype II
38	19/9/2023	Hà Giang	Vị Xuyên		Genotype I/II (Tái tổ hợp)
39	02/11/2023	Cao Bằng	Nguyên Bình		Genotype I/II (Tái tổ hợp)
40	11/11/2023	Quảng Ninh	Móng Cái		Genotype I/II (Tái tổ hợp)
41	08/11/2023	Lạng Sơn	Bình Gia		Genotype II
42	14/11/2023	Hà Tĩnh	Đức Thọ		Genotype II
43	23/11/2023	Quảng Trị	Đa Krông		Genotype II
44	12/8/2023	Nghệ An	Cẩm Xuyên		Genotype II
45	01/11/2023	Thừa Thiên Huế	Quảng Điền		Genotype II
46	26/11/2023	Nghệ An	Diễn Châu		Genotype II
47	25/11/2023	Quảng Bình	TP.Đồng Hới		Genotype II
48	19/6/2023	Quảng Bình	Minh Hóa		Genotype II
49	11/7/2023	Quảng Trị	Quảng Bình		Genotype II
50	30/6/2023	Thanh Hóa	Thọ Xuân		Genotype II
51	25/4/2023	Quảng Nam	Hiệp Đức		Genotype II
52	03/8/2023	Quảng Nam	Nông Sơn		Genotype II
53	28/9/2023	Bình Định	Tây Sơn		Genotype II
54	29/9/2023	Bình Định	Phù Mỹ		Genotype II
55	22/9/2023	Bà Rịa-Vũng Tàu	Châu Đức		Genotype II
56	23/9/2023	Tiền Giang	Chợ Gạo		Genotype II
57	02/10/2023	Trà Vinh	Cầu Kè		Genotype II
58	19/10/2023	Khánh Hòa	Cam Lâm		Genotype II
59	25/10/2023	Bình Thuận	TP.Phan Thiết		Genotype II
60	12/11/2023	Tiền Giang	Chợ Gạo		Genotype II
61	17/11/2023	Bà Rịa-Vũng Tàu	Châu Đức		Genotype II
62	20/11/2023	Bình Phước	Hón Quán		Genotype II
63	28/9/2023	Bạc Liêu	Hòa Bình		Genotype II
64	21/9/2023	Vĩnh Long	Trà Ôn		Genotype II
65	21/10/2023	Cà Mau	U Minh		Genotype II
66	14/11/2023	Trà Vinh	Cầu Kè		Genotype II
67	18/11/2023	Vĩnh Long	Long Hồ		Genotype II
68	18/11/2023	Sóc Trăng	Châu Thành		Genotype II
69	03/11/2023	Cà Mau	U Minh		Genotype II
70	25/11/2023	Kiên Giang	U Minh Thượng		Genotype II
71	20/11/2023	Bạc Liêu	Đông Hải		Genotype II
72	26/9/2023	Sóc Trăng	Châu Thành		Genotype II
73	22/11/2023	Long An	Cần Đước		Genotype II
74	12/10/2023	Bắc Giang			Genotype I/II (Tái tổ hợp)

TT	Ngày lấy mẫu	Tỉnh	Huyện	Xã	Genotype
75	12/10/2023	Phú Thọ			Genotype I/II (Tái tổ hợp)
76	05/10/2023	Thái Nguyên			Genotype I/II (Tái tổ hợp)
77	04/10/2023	Thái Nguyên			Genotype I/II (Tái tổ hợp)
78	03/11/2023	Quảng Ngãi	Bình Sơn		Genotype II
79	07/11/2023	Quảng Nam	Đại Lộc		Genotype II

Năm 2024

TT	Ngày lấy mẫu	Tỉnh	Huyện	Xã	Genotype
1	04/01/2024	Bắc Giang	Hiệp Hòa	Lương Phong	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
2	05/01/2024	Hà nội	Ba Vì	Ba Trại	Genotype II
3	05/01/2024	Bắc Ninh	TX Quế Võ	Việt Hùng	Genotype II
4	24/01/2024	Thái Nguyên	Phổ Yên	Đông Cao	Genotype II
5	24/01/2024	Tuyên Quang	Sơn Dương	Đông Lợi	Genotype II
6	01/02/2024	Bắc Giang	Lạng Giang		Genotype II
7	01/02/2024	Vĩnh Phúc	Sông Lô	Bạch Lưu	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
8	15/02/2024	Thái Nguyên	TP Thái Nguyên		Genotype II
9	20/02/2024	Phú Thọ	Phù Ninh	Phú Lộc	Genotype II
10	04/3/2024	Vĩnh Phúc	Tam Dương		Genotype I/II (Tái tổ hợp)
11	14/3/2024	Bắc Giang	Hiệp Hòa		Genotype II
12	31/4/2024	Bắc Ninh	Yên Phong		Genotype II
13	03/4/2024	Điện Biên	Mường Chà	Mường Mươn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
14	05/4/2024	Bắc Kạn	Chợ Đồn	Tân Lập	Genotype II
15	12/4/2024	Yên Bái	Yên Bái,		Genotype I/II (Tái tổ hợp)
16	22/4/2024	Hà Nội	Sóc Sơn		Genotype I/II (Tái tổ hợp)
17	09/5/2024	Bắc Kạn	Na Rì	Kim Lư	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
18	10/5/2024	Lào Cai	Bảo Thắng	Phong Niên	Genotype II
19	13/5/2024	Hà Nội	Đông Anh	Bắc Hồng	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
20	15/5/2024	Vĩnh Phúc	TP Phúc Yên		Genotype II
21	17/5/2024	Thái Nguyên	Đại Từ,		Genotype I/II (Tái tổ hợp)
22	20/5/2024	Phú Thọ	Phù Ninh	Phú Mỹ	Genotype II
23	20/5/2024	Bắc Giang	Lạng Giang	Hương Sơn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)

TT	Ngày lấy mẫu	Tỉnh	Huyện	Xã	Genotype
24	21/5/2024	Bắc Kạn	Pác Nặm	Bắc Thành	Genotype II
25	27/5/2024	Điện Biên	Mường Chà	Mường Mươn	Genotype II
26	27/5/2024	Cao Bằng	Trùng Khánh	Khâm Thành	Genotype II
27	28/5/2024	Tuyên Quang	Hàm Yên	Yên Lâm	Genotype II
28	29/5/2024	Sơn La	Bắc Yên	TT. Bắc Sơn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
29	25/5/2024	Tuyên Quang	Hàm Yên	Nhân Mục	Genotype II
30	25/5/2024	Hà Nội	Chương Mỹ	Thủy Xuân Tiên	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
31	28/5/2024	Bắc Kạn	Chợ Mới	Quảng Chu	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
32	07/6/2024	Bắc Ninh	Yên Phong	Dũng Liệt	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
33	20/6/2024	Bắc Giang	Yên Thế	An Thượng	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
34	02/7/2024	Quảng Ninh	TP. Móng Cái	Hải Xuân	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
35	05/8/2024	Tuyên Quang	Sơn Dương	Chi Thiết	Genotype II
36	15/8/2024	Bắc Kạn	Ba Bể	Đồng Phúc	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
37	28/8/2024	Vĩnh Phúc	Tam Đảo	Yên Dương	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
38	06/6/2024	Ninh Bình	Gia Viễn	Gia Xuân	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
39	16/9/2024	Lào Cai	Bảo Yên	Kim Sơn	Genotype II
40	15/6/2024	Yên Bái	Lục Yên	Trung Tâm	Genotype II
41	18/6/2024	Điện Biên	TP. Điện Biên Phủ	Pá Khoang	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
42	23/9/2024	Phú Thọ	Thanh Sơn	Cự Đồng	Genotype II
43	24/9/2024	Lạng Sơn	Hữu Lũng	Minh Sơn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
44	24/9/2024	Nam Định	Vụ Bản	Liên Bảo	Genotype II
45	26/9/2024	Ninh Bình	Khánh Cư	Thôn Yên Cư 4	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
46	22/6/2024	Cao Bằng	Trùng Khánh	Đàm Thủy	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
47	27/9/2024	Sơn La	Vân Hồ	Mường Tè	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
48	25/6/2024	Lạng Sơn	Đình Lập	Bính Xá	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
49	28/9/2024	Hòa Bình	Yên Thủy	Đa Phúc	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
50	29/9/2024	Thanh Hoá	Yên Định	Định Long	Genotype II
51	30/9/2024	Thái Nguyên	Phổ Yên	Đắc Sơn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
52	30/9/2024	Bắc Kạn	Bạch Thông	xã Vũ Muộn	Genotype II
53	01/10/2024	Hà Nội	Mê Linh	Tây Xá	Genotype II

TT	Ngày lấy mẫu	Tỉnh	Huyện	Xã	Genotype
54	05/7/2024	Hòa Bình	Đà Bắc	Vầy Nưa	Genotype II
55	18/7/2024	Hà Giang	Quản Bạ	Lùng Tám	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
56	10/10/2024	Bắc Giang	Lạng Giang	Tiên Lục	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
57	10/10/2024	Phú Thọ	Đoan Hùng	Hợp Nhất	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
58	13/10/2024	Sơn La	Yên Châu	Chiềng Păn	Genotype II
59	14/10/2024	Vĩnh Phúc	Tam Đảo	Đại Đình	Genotype II
60	15/10/2024	Hà Nội	Sóc Sơn	Xuân Thu	Genotype II
61	07/8/2024	Hà Giang	Bắc Mê	TT. Yên Phú	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
62	28/8/2024	Lạng Sơn	Văn Quan	Hữu Lễ	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
63	31/8/2024	Lai Châu	TP. Lai Châu	Phường Tân Phong	Genotype II
64	04/9/2024	Lạng Sơn	Lộc Bình	Tam Gia	Genotype II
65	10/9/2024	Điện Biên	Nậm Pồ	Chà Cang	Genotype II
66	15/10/2024	Nghệ An	Tân Kỳ	Nghĩa Thái	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
67	15/10/2024	Nghệ An	Tân Kỳ	Kỳ Sơn	Genotype II
68	08/10/2024	Nghệ An	Tương Dương	Lưu Kiên	Genotype II
69	08/10/2024	Nghệ An	Quỳnh Lưu	Quỳnh Văn	Genotype II
70	08/10/2024	Nghệ An	Đô Lương	Tân Sơn	Genotype II
71	22/10/2024	Nghệ An	TX. Cửa Lò	Nghi Hương	Genotype II
72	22/10/2024	Nghệ An	Anh Sơn	Vĩnh Sơn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
73	20/10/2024	Quảng Bình	Quảng Trạch	Quảng Phương	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
74	13/10/2024	Quảng Bình	Tuyên Hóa	TT. Đồng Lê	Genotype II
75	16/10/2024	Quảng Trị	Gio Linh	Gia Hải	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
76	21/10/2024	Hà Tĩnh	Lộc Hà	Ích Hậu	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
77	21/10/2024	Hà Tĩnh	TP Hà Tĩnh	Thạch Bình	Genotype II
78	20/09/2024	Khánh Hòa	TP Nha Trang	Phước Đồng	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
79	05/01/2024	Long An	Mộc Hóa	Bình Thạnh	Genotype II
80	10/01/2024	Long An	Tân Thạnh	Tân Lập	Genotype II
81	11/01/2024	Tiền Giang	Chợ Gạo	Hòa Định	Genotype II
82	29/01/2024	Long An	Tân Hưng	Hưng Điền B	Genotype II
83	13/01/2024	Tiền Giang	Châu Thành	Điền Hy	Genotype II
84	14/01/2024	Long An	Tân Thạnh	Tân Bình	Genotype II
85	21/02/2024	Bình Phước	Bù Đăng	Đăng Hà	Genotype II
86	21/02/2024	Bà Rịa - Vũng Tàu	Châu Đức	Cù Bị	Genotype II

TT	Ngày lấy mẫu	Tỉnh	Huyện	Xã	Genotype
87	05/3/2024	Long An	Mộc Hóa	Tân Lập	Genotype II
88	28/3/2024	Tiền Giang	Cái Bè	An Cư	Genotype II
89	04/6/2024	Khánh Hòa	TP. Nha Trang	Phước Đồng	Genotype II
90	05/6/2024	Tiền Giang	Cái Bè	Tân Thanh	Genotype II
91	06/7/2024	Khánh Hòa	TP. Nha Trang	Phước Đồng	Genotype II
92	08/7/2024	Bình Phước	Hớn Quản	Tân Hưng	Genotype II
93	10/7/2024	Bình Phước	Bù Gia Mập	Đa Kia	Genotype II
94	27/7/2024	Long An	Tân Hưng	Thanh Hưng	Genotype II
95	23/8/2024	Bà Rịa - Vũng Tàu	Châu Đức	Xà Bang	Genotype II
96	26/8/2024	Tiền Giang	Chợ Gạo	Xuân Đông	Genotype II
97	29/8/2024	Bình Phước	Lộc Ninh	Lộc Thạnh	Genotype II
98	06/9/2024	Bình Phước	Hớn Quản	An Khương	Genotype II
99	13/9/2024	Bình Phước	Hớn Quản	Phước An	Genotype II
100	24/9/2024	Ninh Thuận	Ninh Sơn	Nhơn Sơn	Genotype II
101	30/9/2024	Ninh Thuận	Bác Ái	Phước Tiến	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
102	01/10/2024	Khánh Hòa	TP. Nha Trang	Phước Đồng	Genotype II
103	01/10/2024	Long An	Tân Hưng	Hưng Điền	Genotype II
104	07/10/2024	Khánh Hòa	Diên Khánh	Diên Xuân	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
105	07/10/2024	Tiền Giang	Cái Bè	Hậu Thành	Genotype II
106	10/10/2024	Bình Phước	Lộc Ninh	Lộc Tấn	Genotype II
107	30/10/2024	Bình Phước	Lộc Ninh	TT. Lộc Ninh	Genotype II
108	04/11/2024	Khánh Hòa	Diên Khánh	Diên Tân	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
109	08/11/2024	Long An	Thanh Hóa	Thanh Phước	Genotype II
110	22/01/2024	Tiền Giang	Tân Phước	Phước Lập	Genotype II
111	31/01/2024	Tiền Giang	Cai Lậy	Hiệp Đức	Genotype II
112	16/02/2024	Long An	Thủ Thừa	Mỹ Thạnh	Genotype II
113	9/3/2024	Long An	Mộc Hóa	TT. Bình Phong Thạnh	Genotype II
114	12/4/2024	Long An	Tân Thạnh	Kiến Bình	Genotype II
115	12/6/2024	Khánh Hòa	Cam Lâm	Cam Thành Bắc	Genotype II
116	16/6/2024	Bình Thuận	Hàm Tân	Tân Hà	Genotype II
117	10/7/2024	Bà Rịa - Vũng Tàu	TX. Phú Mỹ	P. Hắc Dịch	Genotype II
118	13/8/2024	Bà Rịa - Vũng Tàu	Châu Đức	Xà Bang	Genotype II
119	25/8/2024	Tiền Giang	Chợ Gạo	Xuân Đông	Genotype II
120	16/9/2024	Bến Tre	Mỏ Cày Nam	Thành Thới B	Genotype II

TT	Ngày lấy mẫu	Tỉnh	Huyện	Xã	Genotype
121	24/9/2024	Long An	Thanh Hóa	Thanh Phước	Genotype II
122	27/9/2024	Tiền Giang	Châu Thành	Long Hưng	Genotype II
123	04/10/2024	Khánh Hòa	Diên Khánh	Diên Xuân	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
124	09/10/2024	Ninh Thuận	Thuận Bắc	Bắc Sơn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
125	14/10/2024	Bình Thuận	Hàm Thuận Bắc	Hàm Trí	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
126	19/10/2024	Ninh Thuận	Ninh Sơn	Mỹ Sơn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
127	25/10/2024	Ninh Thuận	Thuận Nam	Nhị Hà	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
128	30/12/2024	Quảng Nam	Hiệp Đức	Phước Gia	Genotype II

Năm 2025

TT	Ngày lấy mẫu	Tỉnh	Xã	Genotype
1	02/01/2025	Sơn La	Chiềng Pắc	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
2	05/01/2025	Nghệ An	Nghĩa Hội	Genotype II
3	06/01/2025	Quảng Trị	Vĩnh Tú	Genotype II
4	07/01/2025	Hà Nội	Tự Lập	Genotype II
5	07/01/2025	Cao Bằng	Huy Giáp	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
6	12/01/2025	Hà Tĩnh	Mỹ Lang	Genotype II
7	22/01/2025	Thái Nguyên	Phương Viên	Genotype II
8	24/02/2025	Bắc Ninh	Việt Ngọc	Genotype II
9	02/3/2025	Phú Thọ	TT Hàng Trạm	Genotype II
10	05/3/2025	Thanh Hoá		Genotype I/II (Tái tổ hợp)
11	15/3/2025	Tuyên Quang	Quyết Thắng	Genotype II
12	17/3/2025	Tuyên Quang	Hùng An	Genotype II
13	19/3/2025	Hưng Yên	Quỳnh Phụ	Genotype II
14	20/3/2025	Ninh Bình	Đông Sơn	Genotype II
15	24/3/2025	Lạng Sơn	Hồng Thái	Genotype II
16	17/4/2025	Phú Thọ	Tất Thắng	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
17	19/4/2025	Phú Thọ	Tam Đảo	Genotype II
18	26/4/2025	Lào Cai	Tả Phời	Genotype II
19	08/5/2025	Điện Biên	Nậm Kè	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
20	10/5/2025	Hưng Yên	P. Bần Yên Nhân	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
21	12/5/2025	Ninh Bình	Mộc Bắc	Genotype II
22	13/5/2025	Ninh Bình	Gia Phong	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
23	16/5/2025	Ninh Bình	Hải Quang	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
24	18/5/2025	Lai Châu	Can Hồ	Genotype II
25	20/5/2025	Cao Bằng		Genotype I/II (Tái tổ hợp)
26	22/5/2025	Bắc Ninh	Dũng Liệt	Genotype II
27	21/5/2025	Sơn La		Genotype I/II (Tái tổ hợp)

TT	Ngày lấy mẫu	Tỉnh	Xã	Genotype
28	23/5/2025	Thái Nguyên	Bình Sơn	Genotype II
29	04/01/2025	Nghệ An	Thanh Phong	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
30	05/01/2025	Nghệ An	Thanh Phong	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
31	07/01/2025	Hà Tĩnh	Thạch Châu	Genotype II
32	09/01/2025	Nghệ An	Quỳnh Thắng	Genotype II
33	21/01/2025	Hà Tĩnh	Thịnh Lộc	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
34	24/01/2025	Nghệ An	Quỳnh Bảng	Genotype II
35	02/02/2025	Hà Tĩnh	Tượng Sơn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
36	02/02/2025	Hà Tĩnh	Tượng Sơn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
37	05/02/2025	Nghệ An	Quỳnh Sơn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
38	19/02/2025	Nghệ An	Tiền Phong	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
39	2025	Ninh Bình	P. Duy Minh	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
40	20/01/2025	Hưng Yên	Đông Cường	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
41	22/5/2025	Quảng Ninh	Liên Hòa	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
42	07/5/2025	Nghệ An	Mậu Đức	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
43	28/5/2025	Hà Tĩnh	An Dũng	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
44	13/02/2025	Quảng Ngãi	Long Thành	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
45	24/02/2025	Quảng Trị	Sen Thủy	Genotype II
46	28/02/2025	Quảng Trị	Vĩnh Tú	Genotype II
47	02/6/2025	Gia Lai	Mỹ Hiệp	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
48	07/02/2025	Quảng Ngãi	Diên Bình	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
49	25/02/2025	Đắk Lắk	Ea Tul	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
50	05/5/2025	Lâm Đồng	Nâm N'Dir	Genotype II
51	23/5/2025	Gia Lai	P. Tây Sơn	Genotype II
52	08/01/2025	Tây Ninh	Thanh Hưng	Genotype II
53	06/5/2025	Đồng Nai	TT. Thanh Bình	Genotype II
54	02/02/2025	Đồng Tháp	Bình Ninh	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
55	20/3/2025	Lâm Đồng	P. Xuân An	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
56	02/4/2025	Đồng Nai	Phú Riêng	Genotype II
57	10/5/2025	Khánh Hòa	Diên Tân	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
58	02/01/2025	Cà Mau	Nguyễn Phích	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
59	03/01/2025	Cần Thơ	Viên An	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
60	20/02/2025	Vĩnh Long	Tân Hạnh	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
61	06/4/2025	Cần Thơ	Vị Thắng	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
62	25/6/2025	Phú Thọ	Võ Miếu	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
63	25/7/2025	Phú Thọ	Bình Xuyên	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
64	25/7/2025	Phú Thọ	Đong Quế	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
65	25/7/2025	Phú Thọ	Hải Lựu	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
66	05/6/2025	Cao Bằng	Thái Sơn	Genotype II
67	05/6/2025	Cao Bằng	Ngũ Lão	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
68	05/7/2025	Cao Bằng	Đoài Dương	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
69	16/7/2025	Cao Bằng	Bế Văn Đàn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
70	08/7/2025	Điện Biên	Mường Pôn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
71	09/7/2025	Điện Biên	Điện Biên	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
72	01/7/2025	Hà Nội	Cổ Đô	Genotype I/II (Tái tổ hợp)

TT	Ngày lấy mẫu	Tỉnh	Xã	Genotype
73	05/7/2025	Hà Nội	Ba Vì	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
74	21/7/2025	Hà Nội	Đoài Phương	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
75	05/7/2025	Sơn La	Chiềng Cỏi	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
76	11/7/2025	Sơn La	Vân Hồ	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
77	10/7/2025	Sơn La	Sốp Cộp	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
78	03/7/2025	Thái Nguyên	Thượng Quan	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
79	05/7/2025	Thái Nguyên	Phú Bình	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
80	14/7/2025	Thái Nguyên	Vạn Xuân	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
81	03/7/2025	Tuyên Quang	Sơn Thủy	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
82	11/7/2025	Tuyên Quang	Côn Lôn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
83	13/7/2025	Tuyên Quang	Sơn Thủy	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
84	11/7/2025	Lai Châu	P. Tân Phong	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
85	13/7/2025	Lai Châu	P. Đoàn Kết	Genotype II
86	16/7/2025	Lai Châu	Phong Thổ	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
87	16/7/2025	Lai Châu	Nậm Tăm	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
88	28/7/2025	Lai Châu	Tủa Sín	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
89	02/8/2025	Lai Châu	Tả Lèng	Genotype II
90	29/7/2025	Lai Châu	Bình Lư	Genotype II
91	05/8/2025	Lai Châu	Mường Kim	Genotype II
92	05/8/2025	Lai Châu	Mường Khoa	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
93	05/8/2025	Lai Châu	Than Uyên	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
94	31/7/2025	Lai Châu	Pắc Ta	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
95	02/8/2025	Lai Châu	Mường Mô	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
96	09/8/2025	Lai Châu	Mù Că	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
97	04/8/2025	Lai Châu	Lê Lợi	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
98	09/8/2025	Lai Châu	Sì Lở Lầu	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
99	25/7/2025	Lai Châu	Bum Nưa	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
100	30/7/2025	Bắc Ninh	Yên Thế	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
101	10/7/2025	Bắc Ninh	Hiệp Hòa	Genotype II
102	14/7/2025	Bắc Ninh	Yên Thế	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
103	21/7/2025	Bắc Ninh	Đông Kỳ	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
104	24/7/2025	Bắc Ninh	Xuân Cầm	Genotype II
105	05/8/2025	Bắc Ninh	Việt Yên	Genotype II
106	10/7/2025	Phú Thọ	Lương Sơn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
107	21/7/2025	Hưng Yên	Yên Mỹ	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
108	24/7/2025	Hưng Yên	P. Thái Bình	Genotype II
109	12/8/2025	Hưng Yên	Tiên Tiến	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
110	04/7/2025	Lạng Sơn	Đồng Đăng	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
111	04/7/2025	Lạng Sơn	Trị Lễ	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
112	09/7/2025	Lạng Sơn	Bằng Mạc	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
113	11/7/2025	Lạng Sơn	Chi Lăng	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
114	13/7/2025	Lạng Sơn	Quốc Khánh	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
115	13/7/2025	Lào Cai	Dương Quỳ	Genotype II
116	05/8/2025	Lào Cai	Trần Yên	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
117	06/8/2025	Lào Cai	Khánh Yên	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
118	06/8/2025	Lào Cai	Văn Bàn	Genotype II
119	08/8/2025	Lào Cai	Quy Mông	Genotype I/II (Tái tổ hợp)

TT	Ngày lấy mẫu	Tỉnh	Xã	Genotype
120	10/8/2025	Lào Cai	Bảo Thắng	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
121	07/7/2025	Nghệ An	Hùng Châu	Genotype II
122	19/7/2025	Nghệ An	Nghĩa Mai	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
123	18/7/2025	Ninh Bình	Lý Nhân	Genotype II
124	29/7/2025	Ninh Bình	Rạng Đông	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
125	08/8/2025	Ninh Bình	Nam Hồng	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
126	12/8/2025	Ninh Bình	Ninh Giang	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
127	29/7/2025	Quảng Trị	Phong Nha	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
128	10/7/2025	Thanh Hoá	Yên Định	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
129	08/8/2025	Thanh Hoá	Thọ Phú	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
130	08/8/2025	Thanh Hoá	Yên Phú	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
131	08/8/2025	Thanh Hoá	Hoa Lộc	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
132	09/8/2025	Thanh Hoá	Đông Thành	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
133	09/8/2025	Thanh Hoá	An Nông	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
134	05/7/2025	Phú Thọ	P.Vĩnh Yên	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
135	29/7/2025	Hải Phòng		Genotype II
136	30/7/2025	Hải Phòng	Chí Minh	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
137	/7/2025	Quảng Ninh	Bình Khê	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
138	14/7/2025	Quảng Ninh	An Sinh	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
139	23/7/2025	Quảng Ninh	Bình Khê	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
140	22/7/2025	Hải Phòng	Trần Nhân Tông	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
141	28/7/2025	Quảng Ninh	Đường Hoa	Genotype II
142	01/8/2025	Tuyên Quang	Thượng Sơn	Genotype II
143	/7/2025	Hưng Yên	Thụy Anh	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
144	/7/2025	Hà Tĩnh	Kỳ Xuân	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
145	/7/2025	Hà Tĩnh	Kỳ Thượng	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
146	/7/2025	Hà Tĩnh	Cổ Đạm	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
147	/7/2025	Hà Tĩnh	Đồng Lộc	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
148	/7/2025	Nghệ An	Tam Đồng	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
149	/7/2025	Nghệ An	Hạnh Lâm	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
150	/7/2025	Nghệ An	Quỳnh Thắng	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
151	/7/2025	Quảng Trị	Kim Ngân	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
152	/7/2025	Quảng Trị	Nam Trạch	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
153	16/8/2025	Sơn la	Chiềng Sinh	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
154	03/8/2025	Điện Biên	CC Nông nghiệp	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
155	03/8/2025	Điện Biên	CC Nông nghiệp	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
156	12/7/2025	Bắc Ninh	Hiệp Hòa	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
157	15/7/2025	Bắc Ninh	Hoàng Vân	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
158	11/8/2025	Bắc Ninh	Việt Yên	Genotype II
159	13/8/2025	Bắc Ninh	P. Tụ Lạn	Genotype II
160	27/7/2025	Bắc Ninh	Lâm Thao	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
161	05/8/2025	Bắc Ninh	P. Quế Võ	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
162	08/8/2025	Bắc Ninh	P. Trí Quả	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
163	11/8/2025	Bắc Ninh	Tân Đình	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
164	05/7/2025	Cao Bằng	Nguyễn Bình	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
165	05/7/2025	Cao Bằng	Thông Nông	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
166	08/7/2025	Cao Bằng	Phục Hòa	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
167	11/7/2025	Cao Bằng	Kim Đồng	Genotype I/II (Tái tổ hợp)

TT	Ngày lấy mẫu	Tỉnh	Xã	Genotype
168	29/7/2025	Cao Bằng	Nam Quang	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
169	18/7/2025	Cao Bằng	Thành Công	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
170	26/7/2025	Cao Bằng	Xuân Trường	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
171	31/7/2025	Điện Biên	Quảng Lâm	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
172	07/8/2025	Điện Biên	Si Pa Phìn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
173	09/8/2025	Điện Biên	Tủa Chùa	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
174	11/8/2025	Điện Biên	Sáng Nhè	Genotype II
175	15/8/2025	Điện Biên	Nậm Nèn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
176	16/7/2025	Hà Nội	Bát Bạt	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
177	16/7/2025	Hà Nội	Vật Lại	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
178	20/7/2025	Hà Nội	Quảng Oai	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
179	22/7/2025	Hà Nội	Vật Lại	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
180	22/7/2025	Hà Nội	Ba Vì	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
181	26/7/2025	Hà Nội	Đông Xuân	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
182	27/7/2025	Hà Nội	Quảng Oai	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
183	13/8/2025	Hà Nội	Thạch Thát	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
184	14/8/2025	Hà Nội	P. Lĩnh Nam	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
185	15/8/2025	Hà Nội	Liên Minh	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
186	15/8/2025	Hà Nội	Minh Châu	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
187	27/7/2025	Hà Nội	Suối Hai	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
188	08/8/2025	Hà Nội	Đại Đồng	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
189	24/7/2025	Hưng Yên	Quang Hưng	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
190	26/7/2025	Hưng Yên	Hồng Quang	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
191	02/8/2025	Hưng Yên	Đoàn Đào	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
192	03/8/2025	Hưng Yên	P. Mỹ Hào	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
193	10/8/2025	Hưng Yên	Quang Hưng	Genotype II
194	13/8/2025	Hưng Yên	Đức Hợp	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
195	29/7/2025	Hải Phòng	Vĩnh Hải	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
196	29/7/2025	Hải Phòng	Đại Sơn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
197	17/7/2025	Lạng Sơn	Lộc Bình	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
198	28/7/2025	Lạng Sơn	Đình Lập	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
199	30/7/2025	Lạng Sơn	Tân Văn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
200	06/8/2025	Lạng Sơn	Kiên Mộc	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
201	08/8/2025	Lạng Sơn	Thiện Long	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
202	31/7/2025	Lào Cai	Hợp Thành	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
203	06/8/2025	Lào Cai	Vô Lao	Genotype II
204	06/8/2025	Lào Cai	Dương Quỳ	Genotype II
205	06/8/2025	Lào Cai	Bản Xèo	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
206	08/8/2025	Lào Cai	Hưng Khánh	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
207	12/8/2025	Lào Cai	Việt Hồng	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
208	07/8/2025	Lào Cai	Lâm Thượng	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
209	09/7/2025	Ninh Bình	Trung Sơn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
210	14/7/2025	Ninh Bình	Yên Sơn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
211	17/7/2025	Ninh Bình	Hải An	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
212	18/7/2025	Ninh Bình	Nam Hoa Lư	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
213	24/7/2025	Ninh Bình	P. Tam Chúc	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
214	27/7/2025	Ninh Bình	Vĩnh Trại	Genotype II
215	28/7/2025	Ninh Bình	Bình Lục	Genotype II

TT	Ngày lấy mẫu	Tỉnh	Xã	Genotype
216	05/7/2025	Phú Thọ	Thanh Ba	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
217	07/7/2025	Phú Thọ	Cao Dương	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
218	08/7/2025	Phú Thọ	Thanh Thủy	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
219	09/7/2025	Phú Thọ	Lạc Sơn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
220	10/7/2025	Phú Thọ	Đoan Hùng	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
221	14/7/2025	Phú Thọ	Nhân Nghĩa	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
222	24/7/2025	Quảng Ninh	Quảng Hà	Genotype II
223	24/7/2025	Quảng Ninh	Phong Cốc	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
224	24/7/2025	Quảng Ninh	Quảng Hà	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
225	25/7/2025	Quảng Ninh	Mạo Khê	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
226	30/7/2025	Quảng Ninh	Đường Hoa	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
227	30/7/2025	Quảng Ninh	Đông Triều	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
228	30/7/2025	Quảng Ninh	Đặc khu Vân Đồn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
229	25/7/2025	Sơn La	Mường Khiêng	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
230	25/7/2025	Sơn La	Tô Múa	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
231	31/7/2025	Sơn La	Tân Yên	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
232	04/8/2025	Sơn La	Tường Hạ	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
233	16/7/2025	Sơn La	Bắc Yên	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
234	20/7/2025	Sơn La	P. Mộc Châu	Genotype II
235	22/7/2025	Sơn La	Đoàn Kết	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
236	26/7/2025	Sơn La	Vân Sơn	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
237	30/7/2025	Sơn La	Nậm Ty	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
238	02/8/2025	Sơn La	Xím Vàng	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
239	08/7/2025	Thái Nguyên	P. Sông Công	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
240	09/7/2025	Thái Nguyên	Thành Công	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
241	09/7/2025	Thái Nguyên	Bình Yên	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
242	10/7/2025	Thái Nguyên	Kha Sơn	Genotype II
243	11/7/2025	Thái Nguyên	Phú Thịnh	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
244	11/7/2025	Thái Nguyên	Na Rì	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
245	13/7/2025	Tuyên Quang	Quản Bạ	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
246	14/7/2025	Tuyên Quang	Trung Thịnh	Genotype II
247	15/7/2025	Tuyên Quang	Hồng Thái	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
248	15/7/2025	Tuyên Quang	Nà Hang	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
249	16/7/2025	Tuyên Quang	Tân Thanh	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
250	18/7/2025	Tuyên Quang	Nhữ Khê	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
251	20/7/2025	Tuyên Quang	Yên Phú	Genotype I/II (Tái tổ hợp)
252	21/7/2025	Tuyên Quang	Yên Lập	Genotype I/II (Tái tổ hợp)